

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ HN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/08/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim D

2. Bà Tạ Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh N - Thư ký tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 252/2022/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nguyệt A, sinh năm 1985

HKTT: 109A10 Tân M, quận Hoàng M, HN.

Chỗ ở: Số 2 tổ 2A Thanh L, phường Thanh N, quận hai Bà T, HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Phạm Đức C, sinh năm 1983

HKTT và chỗ ở: 109A10 Tân M, quận Hoàng M, HN.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Nguyệt A trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân M, quận HM, HN, vào ngày 30/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số 109 A10 Tân M, quận HM, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; vợ chồng không có tiếng nói chung; thường có xảy ra đánh cãi chửi nhau. Anh Phạm Đức C có lần đánh chị A chảy máu miệng và dùng lời lẽ xúc phạm chửi bới chị A và bố mẹ chị A. Chị A đã nhiều lần nhẫn nhịn và bỏ qua, nhưng anh C không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân, mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm ai và ngủ mỗi người một phòng riêng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm từ tháng 3 năm 2020 chị A và cháu Phạm Thùy D chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị A sinh sống từ đó cho đến nay. Chị Nguyễn Nguyệt A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Phạm Đức C.

+ *Về con chung:* Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Nguyệt A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thùy D.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn, chị A xác nhận không có thai chung với anh Phạm Đức C.

+ *Về tài sản chung và nhà đất chung:* Chị Nguyễn Nguyệt A xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về các khoản nợ chung:* Chị Nguyễn Nguyệt A xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Nguyễn Nguyệt A tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 08/06/2022 Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1958 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Nguyệt A. Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân M, quận Hoàng M, HN, vào ngày 30/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số 109 A10 Tân M, quận Hoàng M, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; vợ chồng không có tiếng nói chung; thường có xảy ra cãi vã. Anh C thường xuyên uống rượu say về đánh vợ con. Khoảng 2 năm gần đây anh C công việc làm ăn không ổn định, không có thu nhập, không đỡ đần về kinh tế cho gia đình nên cuộc sống khó khăn. Từ tháng 3/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài nên chị A và cháu Phạm Thùy D chuyển về sống cùng vợ chồng ông T bà T tại số 2 tổ 2A phường Thanh N, quận HBT, HN từ đó cho đến nay.

Nay chị A xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết bảo vệ quyền lợi cho chị A và cháu D.

Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010.

Tài sản chung và nhà đất chung: Không có

Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 06 năm 2022 của cháu Phạm Thùy D, sinh năm 2010 trình bày:

Cháu Phạm Thùy D là con chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C. Trường hợp bố mẹ cháu không ở với nhau cháu D có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Nguyệt A. Anh C dùng tay đánh chị A làm cháu D rất lo sợ và hoảng loạn.

Nay chị A xin ly hôn anh C, cháu D có nguyện vọng mong Tòa án giải quyết để cháu D được ở với chị A để chị A chăm sóc và ổn định tâm lý cho con.

Bị đơn anh Phạm Đức C đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết văn bản hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Nguyệt A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức C.

Chị A trình bày, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị và anh C không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh C ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Chị A đã không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy Dương, sinh ngày 04/09/2010.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Nguyệt A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thùy D.

Tại thời điểm tòa án giải quyết ly hôn, chị A xác nhận không có thai chung với anh Phạm Đức C.

Về tài sản chung, nhà đất chung và khoản nợ chung khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận HM ngày 22/06/2022 tại tổ dân phố Tân M, phường Tân M, quận HM, Hà Nội bà Hoàng Thị L tổ trưởng cung cấp: Trong thời gian chung sống anh C và chị A có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập chị Nguyễn Nguyệt A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh C vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nguyệt A. Chị Nguyễn Nguyệt A được ly hôn anh Phạm Đức C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010.

Giao con chung Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010 cho chị Nguyễn Nguyệt A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Phạm Thùy D trưởng thành đủ 18 tuổi và cho đến khi chị A, anh C có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Nguyệt A không yêu cầu anh Phạm Đức C đóng góp tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc bản án, quyết định về cấp dưỡng nuôi con chung có hiệu lực pháp luật khác thay thế.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có nên không đề nghị giải quyết

- Các khoản nợ chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nguyệt A thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phạm Đức C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đức C.

Anh Phạm Đức C được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân M, quận HM, HN, vào ngày 30/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số 109 A10 Tân M, quận HM, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; vợ chồng không có tiếng nói chung; thường có xảy ra cãi vã. Anh Phạm Đức C đánh chị A chảy máu miệng và dùng lời lẽ xúc phạm chửi bới chị A và bố mẹ chị A. Chị A đã nhiều lần nhẫn nhịn và bỏ qua, nhưng anh C không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân, mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm ai và ngủ mỗi người một

phòng riêng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm từ tháng 3 năm 2020.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh C đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A và anh C không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Nguyệt A. Cho chị Nguyễn Nguyệt A được ly hôn với anh Phạm Đức C.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu Phạm Thùy D: Chị Nguyễn Nguyệt A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Phạm Thùy D hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Phạm Thùy D đang ở cùng với chị Nguyễn Nguyệt A tại số 2 tổ 2A Thanh L, phường Thanh N, quận HBT, HN. Chị Nguyễn Nguyệt A đang làm kế toán thuê tại nhà có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T có lời khai tại Tòa trong trường hợp chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C ly hôn, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T sẽ cho mẹ con chị A ở nhờ một phòng 20 m² trong căn nhà rộng 38 m² X 2 tầng của ông bà tại số 2 tổ 2A Thanh L, phường Thanh N, quận HBT, HN và nếu Tòa án giao con chung cho chị A nuôi dưỡng giáo dục bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T sẽ hỗ trợ chăm sóc và đưa đón cháu D đi học hằng ngày giúp chị A để chị A ổn định cuộc sống. Do vậy nên hội đồng xét xử nhận thấy Phạm Thùy D là bé gái, đang ở ổn định với chị Nguyễn Nguyệt A nên cháu nên giao cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010 cho chị Nguyễn Nguyệt A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu Phạm Thùy D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Nguyệt A không yêu cầu anh Phạm Đức C đóng góp tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc bản án, quyết định về cấp dưỡng nuôi con chung có hiệu lực pháp luật khác thay thế.

Anh Phạm Đức C có quyền gặp gỡ, chăm sóc cháu Phạm Thùy D không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Nguyệt A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Nguyệt A. Cho chị Nguyễn Nguyệt A được ly hôn anh Phạm Đức C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Nguyệt A và anh Phạm Đức C có 01 con chung là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010.

Giao con chung Phạm Thùy D, sinh ngày 04/09/2010 cho chị Nguyễn Nguyệt A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Phạm Thùy D trưởng thành đủ 18 tuổi và cho đến khi chị A, anh C có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Đức C có quyền gặp gỡ, chăm sóc cháu Phạm Thùy D không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh Phạm Đức C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc bản án, quyết định về cấp dưỡng nuôi con chung có hiệu lực pháp luật khác thay thế.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Nguyệt A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Nguyệt A đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0050058 ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Chị Nguyễn Nguyệt A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Đức C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị N